NHÌN LẠI LỊCH S BÁCH VIỆT VÀ QUÁ TRÌNH HÁN HÓA BÁCH VIỆT

08 Tháng Chín 201612:00 SA(Xem: 5056)
Tr n Gia Ninh

Tượng Thừa tướng Nam Việt Lữ Gia
Linh Tiên Đạo Quán, Hoài Đức, HN.

Khi đọc những câu h i "Vì sao đã th ng trị Việt Nam hơn ngàn năm mà cu i cùng Trung Qu c v n không th đ ng hóa Việt Nam?". Hoặc "Người Việt Nam (tộc người Kinh) vì sao mà khó đ ng hóa như vậy? (1), nhi u người nghĩ ch c là ý ki n c a những anh chàng người Việt nặng đ u óc dân tộc ch nghĩa. Nhưng thật b t ngờ, những câu h i này và tương tự như vậy hiện là những ch đ nóng c a các di n đàn tranh luận trên mạng Internet c a người Trung Hoa, bằng ti ng Trung chứ không ph i c a người Việt.

Họ đã ch t v n nhau, đại loại th này: Hơn một nghìn năm, trước khi nhà T ng lên ngôi, Giao Châu là thuộc Trung Hoa, dù chị em họ Trưng có n i dậy cũng ch m y năm là dẹp yên. Th mà vì sao từ đời T ng tr đi các tri u đại Trung Hoa không th

thu phục nổi Việt Nam. Hơn nữa, dân tộc Việt Nam, người Kinh ấy, từ đâu mà ra, hình thành từ lúc nào? Người Hán chúng ta từ cổ xưa đã có sức đồng hóa cực mạnh. Số dân tộc đã bị Hán tộc đồng hóa không đếm xuể. Tại sao chừng ấy năm đô hộ vậy mà không đồng hóa nổi Việt Nam… Nếu An Nam là thuộc Trung Quốc từ thời đó, liệu bây giờ quần đảo Nam Sa (VN gọi là Trường Sa) có thành vấn đề không? Việt Nam có còn chiếm được nhiều đảo ở Nam Sa như bây giờ không?

Là người Việt Nam, chắc ai cũng muốn chính mình tìm câu trả lời cho những câu hỏi thú vị đó. Chúng ta từng nghe nói rằng, từ xa xưa một dải giang sơn mênh mông từ Nam sông Dương Tử trở về Nam là nơi các tộc dân Việt sinh sống và phát triển nền văn minh lúa nước rực rỡ. Thế rồi ngày nay, hầu hết đều trở thành lãnh thổ và giang sơn của người Hán, dùng Hán ngữ và văn hóa Hán. Quá trình đó người ta quen gọi là Hán hóa. Vì vậy nhìn lại lịch sử Bách Việt và quá trình Hán hóa Bách Việt, và quá trình Hán hóa Bách Việt, là một cách ôn cố tri tân hữu ích. Đáng tiếc là thời xa xưa đó lịch sử chỉ yếu ghi chép lại bằng Hán ngữ cổ ở Trung Hoa, không dễ tiếp cận với đa số hiện nay. Vì lẽ đó người viết bài này cố gắng tóm tắt những gì mà sử sách cổ còn ghi lại, kết hợp với những tài liệu khoa học đã công bố của một số học giả uy tín trên thế giới, ngõ hầu cung cấp một vài thông tin hữu ích, nhiều chiều, kể cả còn đang tranh cãi.

Bách Việt là ai và ở đâu?

Vào thời thượng cổ, từ đời nhà Thương □□ (khoảng 1600-1046 TCN), trong văn tự thì chỉ có một chữ Việt 戉 (nghĩa là cái rìu), cũng là tên chung cho tộc người ở phía Nam không phải là người Trung Hoa, do tộc người này sử dụng rìu (Việt) làm công cụ. Về sau, vào thời Xuân Thu Chiến quốc □□ □□ (722-221 TCN) bắt đầu trong văn tự có hai chữ Việt là 越 và 粵, đều chỉ bộ tộc Việt, dùng như nhau (Sách cổ viết là □□□□-Việt Việt Hồ Thông), ta hay gọi 越 là Việt bộ tẩu 走 (đi, chạy) và Việt 粵 là Việt bộ mễ 米-(lúa) (2).

Trong Hán ngữ cận, hiện đại, hai chữ Việt này (có thể từ sau

đời Minh) thì dùng có phân biệt rõ ràng. Chữ Việt bộ tẩu 足 là ghi tên tộc Việt của nước Việt có lãnh thổ 地 vùng Bắc Triết Giang, ngày nay là vùng Thượng Hải, Ninh Ba, Thiệu Hưng (Cải Kê 蓋 xưa). Một loại ca kịch cổ 古 vùng này vẫn còn tên là Việt Kịch 越. Chữ Việt bộ tẩu này cũng là tên của tộc Nam Việt (Triệu Đà) Âu Việt và Lạc Việt (Việt Nam ngày nay), Mân Việt (Phúc Kiến), Điền Việt (Vân Nam, Quảng Tây)… Chữ Việt 粵 bộ mễ 米 ngày nay dùng ghi tên cư dân vùng Quảng Đông, Hồng Kong, Ma Cao… những cư dân này sử dụng ngôn ngữ gọi là tiếng Quảng Đông (Cantonese). (Ai đến Quảng Châu đều thấy biển xe ô tô đều bắt đầu bằng chữ 粵 là vì vậy).

Bởi vì xưa có đến hàng trăm tộc Việt, cho nên sử sách gọi chung là Bách Việt 百越 hoặc 百粵. Tên gọi Bách Việt xuất hiện trong văn sách lần đầu tiên trong bộ Lã thị Xuân Thu 呂氏春秋 của Lã Bất Vi 呂不韋 (291–235 TCN) thời nhà Tần.

Trong lịch sử Trung Hoa, toàn bộ vùng đất Giang Nam (tên gọi vùng Nam Sông Dương Tử), rộng bảy tám ngàn dặm từ Giao Chỉ đến Cải Kê, từ trước thời Tần Hán đều là nơi cư ngụ của các tộc Bách Việt.
Thời nhà Hạ gọi là Vu Việt 于越, đời Thương gọi là Man Việt 蠻越 hoặc Nam Việt 南越, đời Chu gọi là Dương Việt 揚越, Kinh Việt 荊越, từ thời Chiến quốc gọi là Bách Việt百越.

Sách Lộ Sử của La Bí (1131 – 1189) người đời Tống viết (3): Việt thường, Lạc Việt, Âu Việt, Âu ngai, Thổ âu, Tây âu, Cung nhân, Mục thâm, Tại phu, Cấm nhân, Thương ngô, Việt khu, Quỳ quốc, Tần tử, Sản lí (Tây Song Bản Nạp), Hải quý, Cầu khuẩn, Kê dư, Bắc đái, Phó cú, Khu ngô (Cú ngô)…, gọi là Bách Việt.
Hán Hóa Bách Việt – Giai đoạn từ thượng cổ đến trước thời Tần-Hán

Gọi Hán hóa chỉ là để cho tiện thôi, thực ra không đúng, vì lúc này làm gì đã có nhà Hán. Hai nước Ngô – Việt là những tộc Bách Việt được ghi chép rất sớm trong sử sách. Nước Ngô 吳còn gọi là Cú Ngô 句吳, Công Ngô 工吳,攻吳… lập quốc vào thời Chu Vũ Vương (thế kỷ 12 TCN), kinh đô 都 Tô Châu 蘇州 ngày nay, từ thủy

t□ là Ngô Thái Bá □□□ truy□n đ□n Phù Sai□□ thì bị diệt vong b□i nước Việt (473 TCN). Thực ra ghi chép sớm nh□t trong s□ sách là Vu Việt □□, ti□n thân c□a nước Việt □ □ thời Chi□n qu□c. Nước Việt đã t□n tại muộn nh□t cũng từ thời nhà Thương, không tham gia vào sự kiện Vũ Vương Phạt Trụ (1046 TCN), nhưng s□ có ghi là khá lâu trước đó đã làm tân khách c□a Chu Thành Vương □□□(1132 – 1083 TCN). Nước Việt đã có một văn hóa dân tộc đặc s□c, gọi là Văn hóa Mã Ki□u □□□□, mà các chứng tích đã tìm th□y khi khai quật di ch□ Thái H□ □□□□. Nước Việt định đô □ C□i Kê □□ (Thiệu Hưng ngày nay) truy□n đ□n đời Câu Ti□n□□ (496 – 464 TCN) thì bành trướng lên phía B□c, năm 473 TCN sau khi diệt nước Ngô, m□ rộng bờ cõi B□c chi□m Giang Tô □□, Nam đoạt Mân Đài □□ (tức Phúc Ki□n ngày nay), Đông giáp Đông H□i □ □, Tây đ□n Hoàn Nam □□ (phía Nam An Huy ngày nay), hùng cứ một cõi Đông Nam. Đ□n năm 306 TCN, nước S□ □□ nhân nước Việt, tri□u vua Vô Cương, nội loạn, bèn liên k□t với nước T□ □□ ti□n chi□m nước Việt, đ□i thành quận Giang Đông, nước Việt tuyệt diệt và bị S□ hóa từ đó. Những sự kiện này được ghi chép t□ m□ trong bộ s□ Ngô Việt Xuân Thu □□□□ do Triệu Diệp □□ thời Đông Hán soạn (~năm 25). Các nhà khoa học th□ giới ngày nay cũng đã phục dựng đ□y đ□ lịch s□ này, ví dụ xem Eric Henry (4).

Đ□n đây c□n nói rõ, S□ là g□c Hoa Hạ (sau này gọi là Hán) hay là Bách Việt, hiện còn nhi□u tranh cãi. Dân Hoa Hạ (chính là tộc Hán sau này) nhận mình là con cháu c□a Tam Hoàng, Ngũ Đ□. Tam Hoàng thì r□t th□n tiên, mơ h□, Ngũ Đ□ có v□ cụ th□ hơn. Theo S□ Ký c□a Tư Mã Thiên (5) thì đó là năm chi: Hoàng Đ□ (□□), Chuyên Húc (□□), Đ□ C□c (□□), Đ□ Nghiêu (□□), Đ□ Thu□n (□□). Dân nước S□ tự nhận thuộc chi Chuyên Húc, họ Cao Dương □□ tức là tộc Hoa Hạ (Hán). Đ□t nước S□ nằm □ đoạn giữa sông Trường Giang, vùng Nam B□c H□ Động Đình, quen gọi là vùng Kinh S□ (H□ B□c – H□ Nam c□a Trung Hoa ngày nay). Vùng Kinh S□ nằm ch□ng l□n phía Nam lưu vực sông Hoài sông Vị c□a dân Trung Nguyên Hoa Hạ. Đó là vùng đ□t đ□u tiên mà một chi c□a dân Hoa Hạ (chi Chuyên Húc) thiên di xu□ng. Nhà thơ Khu□t Nguyên (340 – 278 TCN) người nước S□, m□ đ□u bài thơ Ly Tao đã vi□t (6): Bá Dung nhớ cha ta thu□ nọ, /V□n dòng vua v□ họ Cao Dương

(Nhượng Tống dịch thơ). Trước khi con cháu Cao Dương nam thiên đến đây, dân bản địa là tộc nào? Nước Sở lập quốc vào cuối đời Thương đầu đời Chu (1042 TCN). Sách Sử Ký – thiên Sở Thế gia viết rằng người Sở là dân Man (Sở Man), vua Sở nhận mình là dân Man Di (7). Man là chữ người Hoa Hạ gọi dân miền Nam không phải là Trung Hoa. Những khai quật khảo cổ ở vùng Kinh Sở gần đây cũng cho thấy rằng thực ra cư dân tại cổ ở vùng Kinh Sở có nguồn gốc Tam Miêu, một dân tộc thuộc nhóm Bách Việt. Đây có thể là nhóm Âu Việt ở phía Tây nên còn gọi là tộc Tây Âu, để phân biệt với Đông Âu là tộc Âu Việt phía Đông, tức vùng Mân – Đài (Phúc Kiến). Tộc Tây Âu, theo các nhà dân tộc học, có thể là tổ tiên các tộc H'mông, Lào, Miến, Thái… hiện nay, ít nhiều cũng có cùng huyết thống người Việt Nam cổ. Như vậy là quá trình Trung Hoa hóa dân Man (Miêu tộc bản địa) đã bắt đầu từ cuối Thương đầu đời Chu rồi. Có thể tạm gọi đó là đợt đồng hóa thứ nhất. Sự Trung Hoa hóa theo thế lực nước Sở, bành trướng đến Trùng Khánh, Quý Châu, về sau sang tiếp phía Đông, trở thành một trong thất hùng thời Chiến quốc. Đặc biệt là quý tộc Sở cổ đều có họ Hùng (熊 – con gấu), vua Sở là Hùng Vương, phải chăng có liên hệ gì đó đến Hùng Vương ở Việt Nam, chữ khác chữ Hán viết 雄 – hùng mạnh, (trong sử Trung Hoa cổ không tìm thấy ghi Hùng Vương 雄 này, có lẽ đây là do các nhà Nho Việt Nam viết lại sau này!). Tóm lại đến thời Khuất Nguyên, rồi sau đó là lúc Sở diệt Việt phía Đông, thì Sở đã hoàn toàn biến thành dân Trung Hoa, và quá trình Trung Hoa hóa Ngô – Việt là quá trình đồng hóa thứ hai, tiến hành thông qua nước Sở.

Các nhà khoa học Nhật, Mỹ, đã có nhiều phát hiện, chứng minh nền văn minh Ngô Việt sau khi nước Việt bị diệt và Trung Hoa hóa (đúng hơn là Sở hóa), đã theo dòng người Ngô Việt chạy ra biển sang Nhật Bản (tiếng Nhật Bản đọc Hán tự theo kiểu nước Ngô, nên gọi là □□□-Go On- Ngô âm □□). Nền văn minh đó chủ yếu theo bộ phận tinh hoa của dân Ngô Việt chạy xuống phía Nam hợp lưu cùng Việt bản địa, thành ra văn minh Việt kéo từ Lĩnh Nam (phía Nam dãy Ngũ Lĩnh – tức Bắc Lưỡng Quảng ngày nay) đến Giao Chỉ. Theo phát hiện của Jerry Norman và Tsu-lin Mei (Washington University và Cornell University) thì nhiều từ cổ

c□a tộc Việt nước Ngô Việt hiện v□n thông dụng trong ti□ng Việt ngày nay, ví dụ các từ: ch□t; chó, đ□ng (trong đ□ng c□t), sông, khái (h□), ngà (trong ngà voi), con (trong con cái), ru□i, đầm (trong đầm ướt), sam (con sam), bi□t; bọt , bèo…8 Đi□u này chứng t□ rằng dân Lạc Việt ít nhi□u có cùng huy□t th□ng với dân Ngô Việt xưa.

Hán hóa Bách Việt- Giai đoạn sau thời T□n-Hán

Cho đ□n trước khi T□n Th□y Hoàng diệt được sáu nước, dẹp b□ nhà Chu, th□ng nh□t Trung Hoa (221 TCN) thì dân Hoa Hạ (Hán tộc) ch□ chi□m lãnh và đ□ng hóa được d□i đ□t từ Hoàng Hà xu□ng đ□n Ngũ Lĩnh9, còn từ Ngũ Lĩnh tr□ v□ Nam (Lưỡng Qu□ng, Giao Ch□, H□i Nam… gọi t□t là Lĩnh Nam) thuộc v□ Âu Việt (gọi chung Tây Âu và Đông Âu) và Lạc Việt. Từ Kinh S□ tr□ v□ Tây, Tây Nam (Vân Nam) v□n còn thuộc v□ Đi□n Việt, Tây Âu, Đại Lý…

Vùng Bách Việt phía Tây Nam này (Vân Nam) thì mãi đ□n th□ k□ 12 còn độc lập, dù người Hán có ti□n hành nhi□u cuộc chi□n tranh xâm chi□m l□ t□. Ch□ sau khi Mông C□ chi□m Đại Lý (1253), Vân Nam, r□i sau đó chi□m n□t Trung Hoa, lập ra nhà Nguyên, thì Vân Nam mới nhập vào Trung Hoa. Năm 1381, Minh Thái T□ mới bình định xong Vân Nam và cuộc Hán hóa hoàn t□t r□t nhanh. Ngày nay hơn 61% cư dân Vân Nam là người Hán.

Vùng Lĩnh Nam chi□m làm đ□t Trung Hoa từ thời T□n – Hán, nhưng quá trình Hán hóa thì khá khó khăn và cho đ□n nay v□n chưa xong h□t (!). C□ s□ Trung Hoa chép thì Lĩnh Nam có nhi□u bộ tộc Việt lập qu□c như Tây Âu, Lạc Việt… có nước Dạ Lang (nhưng không th□y chép Văn Lang!). Âu và Lạc (10) là một tộc Việt hay là hai tộc Việt khác nhau, cho đ□n tận ngày nay v□n còn tranh cãi. Sách “Hoài Nam T□” (139 TCN) thì ch□ vi□t có Tây Âu (11) không có nói đ□n Lạc ch□ nào c□. Sách “S□ Ký” (94 TCN) muộn hơn một ít thì cũng có vi□t Âu, không tìm th□y chữ Lạc đứng riêng một mình, mà luôn luôn ch□ có chép Âu Lạc li□n nhau (12). Tuy nhiên trong Lã thị Xuân Thu (291–235 TCN) sớm nh□t thì có chép” Việt Lạc-□□” (13). Việt Lạc r□t có th□ chính là nước Lạc Việt trong s□ sách sau này, Việt Lạc là ghi âm trực ti□p từ ngôn ngữ người Việt, theo ngữ pháp Việt, còn sau

này ghi Lạc Việt là ghi chép qua thông dịch sang Hán Ngữ, theo ngữ pháp Hán.

Luận theo sử sách chép, có thể thời tiền Tần thì Âu và Lạc là hai chi Việt khác nhau. Thời kỳ chiến đấu chống lại Tần thì có thể hai chi Việt này liên minh lại với nhau thành một khối Âu Lạc. Lúc đó trung tâm là ở Nam Trung Hoa, vùng Vũ Minh Mã đấu (Nam Ninh – Quảng Tây ngày nay). Chỉ sau khi Hán Vũ Đế bình Nam Việt của Triệu Đà thì hai chi này mới lại phân chia ra, và trung tâm di về vùng quanh Hà Nội ngày nay.

Đồng thời với nước Lạc Việt có nước Tây Âu hay Âu Việt mà người đứng đầu trong sử chép là Thục Phán. Tuy nhiên Âu Việt lập quốc lúc nào và Thục Phán từ đâu ra thì sử sách không ghi rõ. Rất nhiều ý kiến cho rằng Thục Phán là hậu duệ của vương triều nước Thục. Quả thực sử có chép một quốc gia tên là Thục Quốc, ở Tây Nam Trung Hoa ngày nay. Thường Cừ (347người đời Tấn viết trong Sách "Hoa Dương Quốc Chí" (14): "Nước Thục Đông giáp nước Ba, Nam giáp Việt, Bắc phân giới với nước Tần, Tây tựa Nga Ba". Vị trí địa lý như vậy nên cư dân ở đây bao gồm người Khương, người Việt, người Hoa Hạ. Dòng họ Khai Minh làm vua nước Thục, truyền được 12 đời, đến năm 316 TCN đời Chu Thận Vương thì bị nhà Tần diệt (15), hậu duệ chạy về phương Nam. Sử chép đến đây thì đứt đoạn, không nói gì tiếp. Cho nên về sau nói Thục Phán là hậu duệ Khai Minh thị, cha Thục Phán là Khai Minh Chỉ chiếm lưu vực Diệp Du Thủy (tức thượng nguồn sông Hồng) (16), xưng là An Tri Vương vua nước Tây Âu, sau truyền ngôi cho con là Phán, cũng chỉ là một giả thuyết, chép lại theo truyền thuyết của tộc dân Đại Y (17).

Lúc này cũng là thời kỳ theo truyền thuyết là có nước Văn Lang ở phía trung và hạ lưu sông Hồng (trong cổ sử Trung Hoa không có tên nước Văn Lang, chỉ có tên một nước là Dạ Lang, liệu có liên quan đến Văn Lang không?), do dòng họ Hùng làm vua. Việc Thục Phán là hậu duệ nước Thục, cũng như nước Văn Lang có vua Hùng trị vì 18 đời trong sử An Nam là ghi lại theo truyền thuyết. Tuy nhiên Thục Vương Tử tên Phán, Hùng Vương vua Lạc Việt, Thục diệt Hùng Vương chiếm lãnh thổ, xưng là An

Dương Vương thì có ghi trong sử cũ Trung Hoa từ đầu Công nguyên.

Theo quyển "Việt sử lược" (18), của tác giả không rõ tên, có lẽ là người Việt Nam khắc in ở Trung Hoa vào quãng cuối Nguyên đầu đời Minh (~1360), có viết về nước Văn Lang, vua là Đế Vương □□, sau bị Thục Phán đánh đuổi, Phán xưng là An Dương Vương.

Sách cũ "Thủy kinh chú" dẫn lại lời ghi trong "Giao châu ngoại vực ký" rằng (19) "… Thục Vương Tử dẫn binh tướng ba vạn đánh lại Lạc Vương □□, Lạc hầu □□, thu phục các Lạc Tướng. Rồi đó Thục Vương Tử xưng là An Dương Vương". Sách "Cựu Đường thư" dẫn lại "Nam Việt chí" chép (20) "Đất Giao Chỉ vô cùng màu mỡ, xưa có vua xưng là Hùng Vương □□, có Lạc hầu phò tá. Thục Vương Tử dẫn quân tướng ba vạn tiến đánh, diệt được Hùng Vương. Thục xưng làm An Dương Vương, cai trị Giao Chỉ". Như vậy thì sử sách có ba tên gọi cho vua nước Lạc Việt: Lạc Vương, Hùng Vương, Đế Vương. Có nhiều ý kiến cho rằng ba tên gọi này là một, chính là Lạc Vương, các tên khác do về sau sao chép nhầm chữ Lạc 雒 của Hán ngữ mà thành (21). Dầu sao thì cũng có hai lý giải về truyền thuyết danh xưng Hùng Vương, một là dòng dõi họ Hùng Vương nước Sở, hai là Lạc Vương vua của dân Lạc Việt. Dù tên tuổi đúng sai thế nào, thì Hùng Vương không chỉ thuần túy là truyền thuyết của Việt Nam, mà cũng có ghi trong cổ sử Trung Hoa. Nhân vật Thục Phán tuy nguồn cội chưa xác định, nhưng cũng có thật, đánh chiếm Lạc Việt lập nên nước Âu Lạc xưng là An Dương Vương cũng là có thật, có ghi trong chính sử không chỉ của Việt Nam (22).

Tần diệt Sở, rồi đánh chiếm Lĩnh Nam, Đô Úy Triệu Đà được Tần cắt cử quản lĩnh Quế Lâm, Tượng Quận. Nhân khi nơi nơi nổi lên chống Tần, năm 204 TCN Triệu Đà bèn chiếm Lĩnh Nam lập nước Nam Việt, đóng đô ở Phiên Ngung (Quảng Châu) và đánh chiếm Âu Lạc. Sách "Giao Châu ngoại vực ký" chép: "Nam Việt Vương Úy Đà cử binh đánh An Dương Vương. An Dương Vương có thần nhân Cao Thông phù tá, chỉ ra nỏ thần cho An Dương Vương, một phát giết được ba trăm mạng" (23). Sách "Thái Bình Ngự Lãm" dẫn "Nhật

Nam truyện" còn chép phóng đại hơn, nổ một phát giết ba vạn người và còn kể tỉ mỉ chuyện tình Mỵ Châu Trọng Thủy, chuyện một nỏ thần, dẫn đến An Dương Vương thất bại (24). Nước Âu Lạc từ đó nhập vào nước Nam Việt (25). Triệu Đà lập nước Nam Việt năm 203 TCN, giữ độc lập với nhà Hán được 92 năm, truyền 5 đời vua, đến đời Triệu Kiến Đức và thừa tướng Lữ Gia (26) thì mất nước vào tay Hán Vũ Đế năm 111 TCN. Một dải Lĩnh Nam và Đông Hải bị Hán chiếm và Hán hóa kéo dài hơn ngàn năm, ngoại trừ Lạc Việt, còn lại hoàn toàn trở thành Hán. Lạc Việt, sau hơn 1000 năm nô lệ và Hán hóa, vẫn giữ được bản sắc và nền văn minh Việt, cuối cùng thì giành được độc lập và trở thành Đại Cồ Việt, Đại Việt, Nam Việt và Việt Nam đến tận ngày nay. Đó là một trường hợp duy nhất mà Trung Hoa không thể Hán hóa được.

Vì sao Đại Việt không bị Hán hóa?

Đồng hóa dân tộc (national assimilation) gồm:

1 – Đồng hóa tự nhiên: đây là một xu hướng tự nhiên trong tiến trình lịch sử loài người.

2 – Đồng hóa cưỡng chế: sự cưỡng bức một dân tộc bị trị chấp nhận ngôn ngữ, chữ viết, phong tục, tập quán của dân tộc thống trị; đây là một tội ác. (27) Người Hán đã thực hiện cả hai biện pháp đồng hóa này hơn một ngàn năm mà Đại Việt vẫn không bị đồng hóa, người Trung Hoa ngày nay tìm mọi lý lẽ để biện minh nhưng chính họ cũng không thấy thuyết phục lắm. Chẳng hạn:

* Việt Nam ở xa Trung Nguyên, núi sông cách trở không tiện đồng hóa. Phản bác lại: Tại sao Vân Nam cũng xa, núi sông cách trở hơn nhiều mà chỉ trong mấy trăm năm đã bị đồng hóa hoàn toàn.

* Việt Nam ở phương Nam, nóng ẩm, người Hán không ở được. Thế tại sao Hải Nam cũng như vậy mà lại ở được, đồng hóa xong rồi.

* Tại vì số lượng người Hán di dân xuống Việt Nam ít. Thực ra, không có bằng chứng nào là ít hơn Hải Nam, Vân Nam cả. Chỉ riêng số quan lại cai trị và số quân chiếm đóng trong hơn một ngàn năm, cũng không ít hơn số dân bản địa. Chỉ có thể hiểu

người Hán □ đây đã bị Việt hóa. Cũng có ý ki□n cực đoan bênh vực, nói rằng thực ra đã Hán hóa dân Việt r□i nhưng từ sau năm 1945, Việt Nam đã thanh lọc lại h□t!

Cũng có một s□ ki□n gi□i c□a người Trung Hoa bình thường ngày nay, xem ra cũng ít nhi□u có lý, ví như:
* Người Kinh có ba ngu□n g□c: Người Lạc Việt, Người Thục, Người Hán. Do vậy người Kinh h□p thụ được tinh hoa c□a ba ch□ng tộc nên tr□ thành một tộc người ưu tú.
* Người Hán □ Việt Nam k□ c□ các t□ng lớp cai trị không đ□ng hóa được người Kinh, trái lại bị đ□ng hóa ngược tr□ thành người Việt. Người Kinh là một tộc người có năng lực đ□ng hóa mạnh, bằng n□u không nói là còn hơn người Hán. Hãy xem họ m□ rộng v□ phía Nam thì rõ.

Nhưng đó ch□ là những lý do b□ ngoài mà những người bình thường có th□ nhận th□y được. Thực ra, theo các nhà chuyên môn, đ□ng hóa dân tộc là một v□n đ□ khoa học lớn, r□t nhạy c□m và v□n chưa có được một lý thuy□t nào đứng vững c□, vì vậy tạm thời không bàn đ□n lý luận trong bài này. Thông thường đ□ng hóa dân tộc là một sự t□ng hòa g□m:
* Đ□ng hóa ch□ng tộc, thường được thực hiện bằng một cuộc chinh phục và k□ chinh phục hoặc diệt ch□ng dân bị chinh phục, hoặc xua đu□i dân bị chinh phục đ□ thay th□ bằng cư dân c□a phía chinh phục, hoặc pha loãng huy□t th□ng.
* Đ□ng hóa v□ văn hóa, tín ngưỡng.
* Đ□ng hóa v□ t□ chức cộng đ□ng, xã hội.
(V□ v□n đ□ Văn Hóa, Ngôn Ngữ, Tín Ngưỡng, đ□u là những y□u t□ b□o t□n dân tộc Việt, xin dành cho bài sau).

Sự đ□ng hóa dân tộc sẽ khó được thực hiện.
1. N□u một dân tộc có sức s□ng sinh học và xã hội mãnh liệt thì sự đ□ng hóa ch□ng tộc khó thành công, ví dụ đi□n hình là dân tộc Do Thái.
2. Đ□ng hóa v□ văn hóa, tín ngưỡng phụ thuộc vào trình độ văn minh c□a dân tộc. Một dân tộc mạnh v□ chinh chi□n, có th□ chi□n th□ng trong cuộc chinh phục, nhưng n□u trình độ văn minh th□p hơn thì sẽ bị k□ bại trận đ□ng hóa, đi□n hình như tộc

Hung Nô, Nữ Chân, Mãn Châu… đều chiến thắng người Hán nhưng lại bị Hán hóa.

3. Khi một cộng đồng dân tộc có tổ chức tốt, cố kết các thành viên bền chặt, thì dân tộc đó rất khó bị đồng hóa.

Nhìn lại thì thấy người Việt (người Kinh) có đủ cả ba yếu tố 1,2,3: Người Kinh hiện nay là nơi tập hợp các thành phần ưu tú nhất của Bách Việt, bởi lẽ khi Bách Việt bị Hán hóa, các thành phần ưu tú, tinh hoa trong xã hội Việt là mục tiêu tàn sát của người Hán, do đó các thành phần này phải tháo chạy, và nơi dung nạp họ là mảnh đất cuối trời Bách Việt, tức Việt Nam ngày nay. Hãy xem thí dụ về ngôn ngữ Ngô Việt còn lưu lại trong tiếng Việt (như đã nói ở trên), đó là một bằng chứng cho sự dịch chuyển của người Ngô-Việt xuống đây. Vì vậy tộc người Kinh có sức sống mãnh liệt.

Tinh hoa của văn minh Bách Việt được cô đọng lại ở người Kinh, chắc chắn không kém nền văn minh Hoa Hạ. Người Việt dù không có văn tự riêng (hay có mà bị xóa sạch sau ngàn năm nô lệ) nhưng vẫn phát triển và bảo tồn được ngôn ngữ dân tộc, dù phải mượn Hán Ngữ để ghi chép, thì thật là một kỳ tích, chẳng kém gì người Do Thái vẫn giữ được tiếng Do Thái dù bị diệt chủng và xua đuổi hai ngàn năm.

Tổ chức xã hội của tộc Việt, điển hình là làng xã đã cố kết cộng đồng rất chặt. Tổ chức nhà nước cũng có rất sớm, từ thời Chiến quốc, do đó rất khó phá vỡ, nó tồn tại dầu tích sau khi khi đã độc lập. Hãy nhớ đến Hội Nghị Diên Hồng thời Trần để thấy tinh thần của tổ chức xã hội gắn kết người dân với triều đình chặt chẽ đến mức nào. Ngay cả một vương triều thất thế, bị truy đuổi như Triều Mạc, cũng không bán rẻ đất nước cho ngoại bang. Năm 1594, Mạc Ngọc Liễn chiếm giữ Vạn Ninh, trước khi chết để di chúc cho Mạc Kính Cung: “Nay vận khí nhà Mạc đã hết, họ Lê lại phục hưng, đó là sự trời, dân ta vô tội mà để phải mắc nợ binh đao, sao lại nỡ thế… Lại chớ nên mời người Minh vào trong nước ta mà để dân ta phải lầm than đau khổ, đó cũng là tội lớn không gì nặng bằng” (28).

Quân Minh đ□u TK 15 cũng khó mà có th□ chi□m được Đại Việt làm quận huyện n□u không có những nhóm quý tộc như nhóm Mạc Thúy, vì quy□n lợi riêng bán r□ dân tộc cho người Minh. Nên bi□t Mạc Thúy là hậu duệ c□a danh nhân Mạc Đĩnh Chi, một đại th□n nhà Tr□n… Nhà Thanh không th□ chi□m Thăng Long n□u không có vua quan bán nước Lê Chiêu Th□ng, ti□c thay y lại là dòng dõi c□a anh hùng dân tộc Lê Lợi…

Than ôi! truy□n th□ng thì hào hùng rực rỡ, t□ tiên ph□i đổ bao m□ hôi, xương máu mới có, nhưng bán r□ nó đi thì thật d□ dàng. May sao tự ngàn xưa s□ những k□ bán r□ dân tộc như vậy là vô cùng nh□ trong cộng đ□ng người Việt.1

CHÚ D□N

1为什么经历了一千多年的统治，中国始终不能同化越南?“Vì sao đã th□ng trị Việt Nam hơn ngàn năm mà cu□i cùng Trung Qu□c v□n không th□ đ□ng hóa Việt Nam?”. http://bbs.tianya.cn/post-no05-226522-1.shtml
越南人（京族）为何难以同化 “ Người Việt Nam (tộc người Kinh) vì sao mà khó đ□ng hóa như vây?” http://lt.cjdby.net/thread-1440161-1-1.html

2 Có học gi□ Việt đương thời theo tự dạng vội suy đoán rằng vi□t như vậy có lẽ ch□ tộc người vác rìu đi (chạy) săn và tộc người tr□ng lúa trong ruộng. Chứng t□ thời b□y giờ tộc Việt thuộc văn minh săn b□n và tr□ng trọt. Có lẽ không ph□i đơn gi□n như vậy. Kh□o sát lịch s□ văn tự thì th□y rằng Việt 越 và Việt粵 âm đọc gi□ng nhau, “S□ ký” vi□t là 越, “Hán thư” vi□t là 粵. Âm đọc 粵 là từ âm đọc c□a chữ Vu 于, người c□ đọc 越 là于. Vu 于 vi□t theo l□i chữ triện 篆 là 亏, hài thanh là chữ vũ 雨-mưa, vi□t lên trên thành 雩. Trong “Hán Thư” còn t□n nhi□u chữ c□, nên chữ Việt 越 đ□u c□i vi□t thành雩, sau theo l□i chữ lệ 隶, chữ kh□i 楷 mới vi□t thành ra 粵, tức bi□n hóa hình chữ vũ 雨 đặt trên chữ Vu亏.
3 “路史” 罗泌 (1131–1189) 宋朝 : 越裳, 雒越, 瓯越瓯皑, 且瓯, 西瓯, 供人, 目深, 摧夫, 禽人, 苍梧, 越区, 桂国, 损子, 产里（西双版纳）, 海癸, 九菌, 稽余, 北带,仆句, 区吴(句吴), 是谓百越。
#4 http://www.sino-platonic.org/complete/spp176_history_of_yue.html The Submerged History of Yuè. By Eric Henry, University of North Carolina

5 史記-司馬遷 (145 – 86 TCN)

6屈原在《离骚：帝高阳之苗裔兮，朕皇考曰伯庸- Đế Cao Dương chi miêu duệ hồ, Trẫm hoàng khảo viết Bá Dung.

7《史记.楚世家》记载：“封熊绎于楚蛮- phong Hùng Dịch ư Sở Man “, “ 熊渠曰：我蛮夷也不与中国之号谥- Hùng Cừ nói: Ta là dân man di, không cùng hiệu, thụy của Trung quốc. Hùng Dịch (~1006 TCN) là vua lập ra nước Sở, Hùng Cừ (~877 TCN) là vua Sở về sau. Sở Man là tên nhà Thương, Chu gọi dân Kinh Sở bản địa, Man tức là Man Việt, tên tộc Việt thời nhà Thương.

8 Jerry Norman and Tsu-lin Mei, Monumenta Serica, Vol. 32 (1976), pp.274-301, Published by: Taylor & Francis, Ltd.

9 五岭 Ngũ Lĩnh-dãy núi phía Nam Trung Hoa chạy qua biên giới các tỉnh Quảng Tây, Hồ Nam, Giang Tây, Quảng Đông, có năm đỉnh cao (Ngũ lĩnh) là 越城 (Việt Thành)、都庞 (Đô Lung), 萌渚 (Manh Chử), 骑田 (Kỵ Điền), 大庾(Đại Dữu).

10 Chữ Lạc có nhiều cách viết, đều đọc là Lạc. Hai chữ 雒,骆 thường dùng như nhau để chép Lạc Việt trong sách cổ. Tiếng Bắc Kinh đọc là Luo, Quảng Đông đọc lok, Đời Đường đọc lak. Nhiều học giả cho rằng nguồn gốc chữ Lạc là do người Hán ghi âm chữ Lúa, Ló của người Việt, người Mường mà ra. Người Việt là tộc người có nền văn minh lúa nước.

11《淮南子·人间训：“（秦皇）又以卒凿渠而通粮道，以与越人战，杀西呕君译吁宋。Hoài Nam Tử. Nhân gian huấn: (Tần Hoàng) cho quân đào kênh thông đường vận lương, rồi đánh người Việt, giết được vua Tây Âu là Dịch Hu Tăng”.

12《史记·南越列传》赵佗上呈汉文帝的“谢罪书”：“且南方卑湿，蛮夷中间，其东闽越千人众号称王，其西瓯骆裸国亦称王。” Triệu Đà dâng thư tạ tội với Hán Văn Đế: “ đất phương Nam thấp, ẩm ướt. Trong các tộc man di ở đây, (chỗ dám) xưng vương phía Đông với dân Đông Âu vài ngàn khẩu, phía Tây với nước Âu Lạc khỏa thân (ý nói đóng khố cởi trần).

13《吕氏春秋·孝行览·本味篇》：“和之美者：阳朴之姜，招摇之桂，越骆之菌。”高诱注：“越骆，国名。菌，竹笋。” Lã thị Xuân Thu-Hiếu hạnh lãm, bản vị thiên:” Những thứ hoàn mỹ là gừng Dương Phác, quế Chiêu Diêu, Khuẩn (Măng) Việt Lạc” Cao Dụ chú giải:” Việt Lạc là tên nước, Khuẩn là măng tre”.

14 常璩（347）华阳国志-(卷三蜀志)：Thường Cừ, “Hoa Dương Quốc Chí” (quyển 3-Thục Chí): “历夏、商、周，武王伐纣，蜀与焉。其地东接于巴，南接于越，北与秦分，西奄峨嶓。” Trải qua Hạ, Thương, Chu,Vũ Vương phạt Trụ, cùng có nước Thục. Nước đó đông giáp nước Ba, nam giáp nước Việt, bắc phân giới với Tần,

Tây dựa Nga Ba” (vì vậy cư dân ở đây có thể là người Khương, Hoa Hạ và Việt-TGN).

#15“华阳国志·蜀志：“周慎王五年秋，秦大夫张仪、司马错、都尉墨等从石牛道伐蜀，蜀王自于葭萌拒之，败绩。王遁走，至武阳为秦军所害，其相、傅及太子退至逢乡，死于白鹿山。开明氏遂亡，凡王蜀十二世 ““Hoa Dương Quốc Chí, thiên Thục Chí”: “Mùa thu đời Chu Thận Vương thứ năm, các Đại Phu nhà Tấn là Trương Nghi, Tư Mã Thác, Đô úy Mặc v.v theo đường Thạch Ngưu tiến phạt Thục. Thục Vương thân cùng Gia Mạnh cự địch, bị thất bại. Vương tháo chạy đến Vũ Dương thì bị quân Tấn hại, Thái tử thoái lui về và chết tại núi Bạch Lộc. Dòng họ Khai Minh, truyền được 12 đời, đến đây bị diệt”. Vũ Dương nay là huyện Bành Sơn,Tứ Xuyên.

16 叶榆水

17岱依人

18《越史略》卷一载：“周庄王时嘉宁部有异人焉，能以幻术服诸部落，自称碓王，都于文郎，号文郎国。以淳质为俗，结绳为政，传十八世，皆称碓王。越勾践尝遣使来谕，碓王拒之。周末为蜀王子泮所逐而代之。泮筑城于越裳，号安阳王，竟不与周通。” .: Việt sử lược: “thời chu Trang Vương, ở Gia Ninh bộ có người tài, dùng xảo thuật thu phục được các bộ lạc, tự xưng là Đại Vương, đô ở Văn Lang, nước là Văn Lang. Tục lệ thuần hậu, chính sự nghiêm chỉnh, truyền 18 đời, đều xưng là Đại Vương. Việt Vương Câu Tiễn đã từng đến dụ, Vương đều từ chối. Vào cuối đời nhà Chu bị Thục Vương Tử tên là Phán đánh đuổi, thay thế trị vì. Phán xây thành Việt Thường, hiệu là An Dương Vương, tuyệt giao với nhà Chu”.

19《水经·叶榆水注》中注引《交州外域记》云：“交趾昔未有郡县之时，土地有雒田，其田从潮水上，民垦食其田，因名为雒民。设雒王、雒侯主诸郡县。??后蜀王子将兵三万来讨雒王、雒侯，服诸雒将。蜀王子因称为安阳王。Sách “Thủy Kinh.Diệp Du Thủy chú”, dẫn theo “Giao Châu Ngoại Vực Ký” viết rằng: Giao Chỉ thời chưa có quận huyện, đất đai thì có Lạc điền, nước ruộng lên xuống theo triều, dân làm ruộng sinh sống, nên gọi là Lạc dân. Thiết đặt Lạc Vương, Lạc hầu cai quản các quận huyện. ?? về sau Thục vương tử xua quân tướng ba van đánh Lạc Vương, Lạc Hầu, thu phục các Lạc Tướng. Thục vương tự xưng là An Dương Vương.

20《旧唐书·地理志》则引《南越志》云：“交趾之地，最为膏腴，旧有君长曰雄王，其佐曰雄侯。后蜀王将兵三万讨雄王，灭之。蜀以其子为安阳王，治交趾。Sách “Cựu Đường Thư” dẫn lại “Nam Việt Chí” viết rằng: Đất Giao Chỉ rất màu mỡ, xưa có vua gọi là Hùng Vương, phò tá là các Hùng Hầu. Về sau ba van quân tướng của Thục vương đánh bại Hùng Vương. Con của Thục Vương xưng là An Dương

Vương, cai trị Giao Chỉ.

21 So sánh các sách thì “Giao Châu ngoại vực ký” là cổ nhất, ít nhất là trước đời Ngụy Tấn (TK3), “Nam Việt Chí” soạn sau thời Bắc Ngụy, còn “Việt sử lược” có lẽ soạn thời Hồng Vũ (~1358) nhà Minh sau này. Quân Vương của nước Lạc Việt theo sách cổ nhất (“Giao châu ngoại vực ký”) ghi là Lạc Vương 雒王, sách về sau (Việt sử lược, Nam Việt chí) thì ghi là Đại Vương 雄王, Hùng Vương 雄王. Một số học giả Trung Hoa và Quốc tế ngờ rằng ba chữ 雄, 雄, 雒 (bộ thì “chuy 隹 “) nguyên chỉ là chữ 雒 (Lạc) do mấy trăm năm sau sao chép nhầm phần các chữ ghép (chữ các 各thành chữ thạch 石 hay chữ quăng 厷) mà ra. Tuy nhiên nhiều học giả Viêt Nam không nhất trí, vì cho rằng các nhà Nho Việt Nam ngày xưa đều rất uyên thâm, khó mà lầm lẫn được. Ai cũng có lý cả!22 Các sách của Việt Nam có nói đến Hùng Vương, An Dương Vương cổ nhất như Lĩnh Nam Chích Quái 嶺南摭怪, Việt Điện U Linh Tập 粵甸幽靈集 hay Đại Việt sử ký toàn thư 大越史記全書 thì cũng soạn vào thời Trần, muộn hơn nhiều so với các sách của Trung Hoa như Giao Châu Ngoại Vực Ký 交州外域记, Thái Bình Ngự Lãm 太平御览. Cho nên các sự tích và tên tuổi như Hùng Vương, An Dương Vương… chắc là chép lại từ sách Trung Hoa, vì Việt lúc đó không có chữ viết… Tất nhiên, cũng không loại trừ có những ý kiến khác.

23《交州外域记：“南越王尉佗举众攻安阳王。安阳王有神人皋通，下辅佐，为安阳王治神弩一张，一发杀三百人”： Nam Việt Vương Úy Đà cổ binh đánh An Dương Vương. An Dương Vương có thần nhân Cao Thông xuống phù tá, chế ra nỏ thần cho An Dương Vương, một phát giết được ba trăm mạng”.

24《太平御览》卷348:《日南傳》曰: 一發萬人死，三發殺三萬人。佗退，遣太子始降安陽。安陽不知通神人，遇無道理，通去。始有姿容端美，安陽王女眉珠悅其貌而通之。始與珠入庫盜鋸截神弩，亡歸報佗。佗出其非意。安陽王弩折兵挫，浮海奔竄： “Thái Bình Ngự Lãm, quyển 348 dẫn “Nhật Nam Truyện” viết:.. một phát giết vạn người, ba phát giết ba vạn người. Đà lui, sai thái tử Thủy hàng An Dương. An Dương không biết Thông là thần nhân, thủy (vua) không hiểu đạo lý, Cao Thông bèn bỏ đi. Thủy có tư dung đoan mỹ, con gái An Dương Vương là Mỵ Châu vì thích y đẹp mà xiêu lòng. Thủy sai Châu vào kho cưa đứt nỏ thần rồi về nước báo tin. Đà liền xuất kỳ bất ý (tiến đánh). An Dương Vương nỏ gãy binh tan, trốn chạy ra biển. (Thái Bình Ngự Lãm là sách soạn vào thời Bắc Tống (977 -984), trích dẫn “Nhật Nam

Truyện” thì chắc là còn cũ hơn. “Nhật Nam Truyện” hình như đã thất truyền, chỉ thấy trích dẫn lại ở sách này-TGN).
25 Người viết bài này đã đến thăm và khảo sát khá kỹ Bảo Tàng Nam Việt Vương ở Quảng Châu. Bảo tàng xây trên khu lăng mộ của Triệu Mô, vua kế vị Triệu Đà (Thấy chết sớm, Mô là con Thấy thay). Ngôi mộ được phát hiện năm 1983, hầu như còn nguyên vẹn, đồ tạo tác rất kỳ vĩ, tinh xảo chứng tỏ trình độ văn minh của người Việt lúc đó khá cao, nếu không nói là hơn hẳn người Hán. Xem bảo tàng thấy các cổ vật trưng bày như thạp đồng, trống đồng, vũ khí… giống in và còn phong phú hơn nhiều so với Bảo Tàng Lịch Sử quốc gia Việt Nam giai đoạn lịch sử đó.
#26 Lữ Gia, Thừa tướng nắm quyền hành của nước Nam Việt, chống lại nhà Hán, thua trận bị chém chết. Lữ Gia và người ở Quận Cửu Chân (Thanh Hóa ngày nay), lăng mộ và đền thờ hiện còn ở Ân Thi, Hưng Yên
27Nguyễn Hải Hoành: Tại sao Việt Nam không bị đồng hóa sau 1.000 năm Bắc thuộc? – http://nghiencuuquocte.org/2015/09/07/viet-nam-khong-bi-dong-hoa-1000-nam-bac-thuoc/#sthash.0FZriY2F.dpuf.
28 Đại Việt sử ký toàn thư – NXB VHTT năm 2000, tập 3, trang 294.

* Người viết bài này xin bày tỏ lời cảm ơn nhà Hán học, dịch giả Trần Đình Hiến về những thảo luận, góp ý quý giá cho phần dịch các đoạn trích trong các sách sử cổ viết bằng văn ngôn trên đây.